TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:100/2022/HNGĐ-ST
Ngày25 – 10–2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Trang Phượng;

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Ngụy Thanh Q, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 25tháng 7 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Bé N trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Ngụy Thanh Q kết hôn vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2020, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Lúc đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ông Q thường hay xúc phạm danh dự, nhân phẩm và bạo L gia đình đối với bà N dẫn đến mất hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng có hay liên hệ nhưng không hòa giải được mâu thuẫn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Ngụy Thanh Q.

- Về nuôi con: Có hai người con chung

Ngụy Tấn L, sinh ngày 27/6/2016;

Ngụy Chí T, sinh ngày 21/12/2018.

Hiện nay, hai người con đang chung sống với vợ chồng bà N. Khi ly hôn, bà N giao hết hai người con cho ông Q nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Ngụy Thanh Q:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Qkhông có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà N yêu cầu ly hôn,về việc nuôi con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Ngụy Thanh Q vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng

Bà Nguyễn Thị Bé N yêu cầu ly hôn với ông Ngụy Thanh Q, giao con chung cho ông Q nuôi dưỡng ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa bà N và ông Qlà tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sựnên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Thị Bé N có đơn xin vắng mặt phiên tòa đề ngày 14/9/2022 vì hiện tại bà N đang làm việc tại tỉnh Bạc Liêu, điều kiện xin nghỉ và đi lại khó khăn nên bà N xin vắng mặt phiên xét xử, đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Ngụy Thanh Qđãđược Tòa án thông báo hợp lệ cácphiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng ông Qđều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Ngụy Thanh Q.

[2].Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Ngụy Thanh Q kết hôn vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2020, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số01, ngày 15/01/2020. Vì vậy, quan hệ của bà Nguyễn Thị Bé N và ông Ngụy Thanh Q được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà N và ông Q phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Q thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm và sức khỏe của bà N dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được hòa giải. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nyêu cầu ly hôn với ông Ngụy Thanh Q. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q không có T chí hàn gắn hôn nhân với bà N, bởi lẽ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông Qkhông tham gia, chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân giữa các đương sựđến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé N đối với ông Ngụy Thanh Q theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Ngụy Tấn L, sinh ngày 27/6/2016 (nam);

Ngụy Chí T, sinh ngày 21/12/2018 (nam).

Hiện nay, hai người con đang chung sống với gia đình. Khi ly hôn, bà N giao hết hai người con cho ông Q nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại hai cháu Tấn L và Chí T chưa được 07 tuổi nên không thể ghi nhận nguyện vọng của các cháu nhưng trong thời gian bà N và ông Q ly thân thì các cháu sống ổn định với ông Q, ông Q không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà N về việc giao con cho ông nuôi. Như vậy mặc nhiên ông Q đồng ý với yêu cầu này của bà N, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt củacon nên giao hai cháu Tấn L và Chí T cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều147, Điều 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51,56 và 81của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bé N ly hôn với ông Ngụy Thanh Q.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Ngụy Tấn L, sinh ngày 27/6/2016 (nam);

Ngụy Chí T, sinh ngày 21/12/2018 (nam).

Hiện nay, hai người con đang chung sống với gia đình. Khi ly hôn, giao hai cháu Tấn L và Chí T cho ông Ngụy Thanh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả:Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: BàNguyễn Thị Bé N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Nđược khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015689ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền